

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mộng T**, Sinh năm 1984; Địa chỉ: **Số B L, xã Đ, tỉnh Gia Lai**.

- Bị đơn: Anh **Tổng Quang T1**, sinh năm 1985; Địa chỉ: **Thôn B, xã I, tỉnh Quảng Ngãi**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị Mộng T** và anh **Tổng Quang T1**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Mộng T** và anh **Tổng Quang T1** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn: Vợ chồng có 02 con chung tên là **Tổng Nguyễn Linh S**, sinh ngày 13/7/2014 và **Tổng Nguyễn Nhã V**, sinh ngày 12/4/2018. Khi ly hôn, chị **Nguyễn Thị Mộng T** và anh **Tổng Quang T1** tự nguyện thoả thuận:

- Giao 02 con chung tên là **Tổng Nguyễn Linh S**, sinh ngày 13/7/2014 và **Tổng Nguyễn Nhã V**, sinh ngày 12/4/2018 cho chị **Nguyễn Thị M** Thường trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lập được.

- Anh **Tổng Quang T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Tổng Quang T1** có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Khi cần thiết, vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chị **Nguyễn Thị Mộng T** và anh **Tổng Quang T1** mỗi người phải chịu 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị **Nguyễn Thị Mộng T** tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho anh **Tổng Quang T1**. Như vậy, tổng số tiền án phí chị **Nguyễn Thị Mộng T** phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào khoản tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị **Nguyễn Thị Mộng T** đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0001323 ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Thị hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả cho chị **Nguyễn Thị Mộng T** số tiền đã nộp tạm ứng án phí còn lại là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 8 – Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 8 – Quảng Ngãi;
- Sở Tư Pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Phú Lợi